



**Tạp chí**

**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

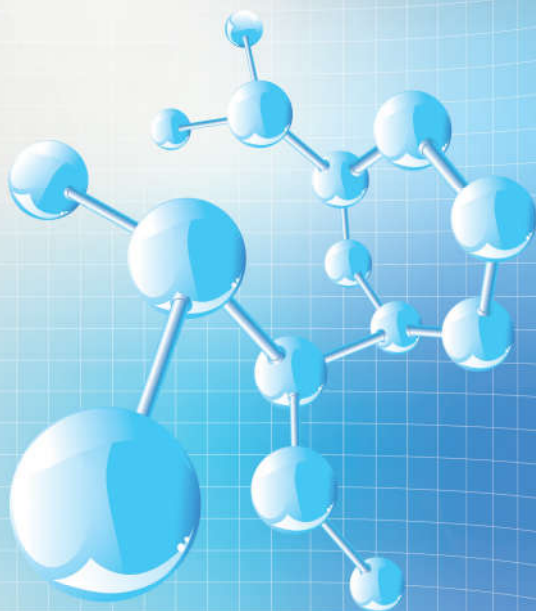
**SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY**

**ISSN 1859-4190**

Số 1 (72) 2021

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ISSN 1859-4190



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**



Địa chỉ:

- Số 1: Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: (0220) 3882.269 Fax: (0220) 3882.921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: [info@saodo.edu.vn](mailto:info@saodo.edu.vn)

ISSN 1859-4190



Địa chỉ: Sao Đỏ

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikicn.saodo.edu.vn/>Email: [tapchikicn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikicn@saodo.edu.vn).

Giấy phép xuất bản số: 1003/GP-BTTTT, ngày 06/7/2011 và Giấy phép sửa đổi, bổ sung số: 293/GP-BTTTT

ngày 03/06/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mã chuẩn quốc tế số: 477/TKHCN-ISSN, ngày 21/7/2011 của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

In 2.000 bản, khổ 21 x 29,7cm, tại Công ty TNHH In Trẻ Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

**ISSN 1859-4190**

**Tổng Biên tập**

- TS. Đỗ Văn Đình
- Phó Tổng biên tập**
- TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn
- Thư ký Tòa soạn**
- TS. Ngô Hữu Mạnh

**Hội đồng Biên tập**

- NGND.TS. Đinh Văn Nhung - Chủ tịch Hội đồng
- GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến
- PGS.TSKH. Trần Hoài Linh
- PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường
- GS.TSKH. Nguyễn Văn Liên
- GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn
- GS.TSKH. Bành Tiến Long
- GS.TS. Trần Văn Địch
- GS.TS. Phạm Minh Tuấn
- PGS.TS. Lê Văn Học
- PGS.TS. Nguyễn Đoàn Ý
- GS.TS. Đinh Văn Sơn
- PGS.TS. Trần Thị Hà
- PGS.TS. Trương Thị Thủy
- TS. Vũ Quang Nhật
- PGS.TS. Nguyễn Thị Bất
- GS.TS. Đỗ Quang Khang
- TS. Bùi Văn Ngọc
- PGS.TS. Ngô Sỹ Lương
- PGS.TS. Khuất Văn Ninh
- GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải
- PGS.TS. Nguyễn Văn Độ
- PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải
- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

**Ban Biên tập**

- ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Trưởng ban
- ThS. Đào Thị Vân

**Editor-in-Chief**

- Dr. Do Van Dinh
- Vice Editor-in-Chief**
- Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen
- Office Secretary**
- Dr. Ngo Huu Manh

**Editorial Board**

- People's Teacher, Dr. Dinh Van Nhung - Chairman
- Prof.Dr. Phạm Thị Ngọc Yến
- Assoc.Prof.Dr.Sc. Trần Hoài Linh
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Quốc Cường
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Văn Liên
- Prof.Dr.Sc. Bành Tiến Long
- Prof.Dr. Trần Văn Địch
- Prof.Dr. Phạm Minh Tuấn
- Assoc.Prof.Dr. Lê Văn Học
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Đoàn Ý
- Assoc.Prof.Dr. Đinh Văn Sơn
- Assoc.Prof.Dr. Trần Thị Hà
- Assoc.Prof.Dr. Trương Thị Thủy
- Dr. Vũ Quang Nhật
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Thị Bất
- Prof.Dr. Đỗ Quang Khang
- Dr. Bùi Văn Ngọc
- Assoc.Prof.Dr. Ngô Sỹ Lương
- Assoc.Prof.Dr. Khuất Văn Ninh
- Prof.Dr.Sc. Phạm Hoàng Hải
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Văn Độ
- Assoc.Prof.Dr. Đoàn Ngọc Hải
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Ngọc Hà

**Editorial**

- MSc. Đoàn Thị Thu Hằng - Head
- MSc. Đào Thị Vân

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (ISSN 1859-4190), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về toà soạn dưới dạng file điện tử (\*.doc \*.docx và \*.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phần biên thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phân biệt sẽ do toà soạn mời. Toà soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03-05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 x 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10; giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2,5cm, dưới 2,5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (\*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng MathType hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
  - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
  - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
  - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngay cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ [http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format\\_paper](http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper)  
 Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ:**

**Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ**

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ

Địa chỉ: Số 24 Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn)

**Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72) 2021**

**Đề cử Tòa soạn:**

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn).

Giấy phép xuất bản số: 1003/GP-BTTTT, ngày 06/7/2011 và Giấy phép sửa đổi, bổ sung số: 293/GP-BTTTT

ngày 03/06/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mã chuẩn quốc tế số: 477TRKCN-ISSN, ngày 21/7/2011 của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

In 2.000 bản, khổ 21 x 29,7cm, tại Công ty TNHH In Trẻ Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

**LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA**

- |  |    |  |
|--|----|--|
| Dự báo mực nước sông cao nhất, thấp nhất trong ngày sử dụng mô hình hỗn hợp  | 5  | Đỗ Văn Đỉnh<br>Nguyễn Trọng Quỳnh<br>Vũ Văn Cảnh<br>Phạm Văn Nam |
| Thiết kế bộ điều khiển mờ cho hệ thống điều khiển vô hướng động cơ điện không đồng bộ ba pha rôto lồng sóc có tham số mômen quán tính J biến đổi | 13 | Lê Ngọc Hòa<br>Vũ Hồng Phong                                     |
| Đánh giá hiệu năng chống nhiễu của bộ thu GPS sử dụng kiến trúc bộ lọc hạt điểm  | 20 | Phạm Việt Hưng<br>Lê Thị Mai<br>Nguyễn Trọng Các                 |
| Lựa chọn sơ đồ cấp điện và luật điều khiển công suất đầu ra cho máy điện từ kháng  | 25 | Phạm Công Tảo  |

**LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC**

- |   |    |  |
|---|----|--|
| Tối ưu hóa chế độ cắt và độ nhám bề mặt khuôn dập khi gia công vật liệu composite nền nhựa, cốt hạt                                 | 32 | Ngô Hữu Mạnh<br>Mạc Thị Nguyên<br>Lê Hoàng Anh<br>Châu Vĩnh Tiến |
| Phân tích cấu trúc và tiềm năng của hệ truyền động thủy tĩnh ứng dụng trên máy kéo lâm nghiệp                                       | 39 | Vũ Hoa Kỳ<br>Trần Hải Đăng<br>Nguyễn Long Lâm                    |
| Nghiên cứu ảnh hưởng chiều cao, độ vi sai của thanh răng đến độ giãn đường may 516 trên vải denim co giãn                           | 44 | Nguyễn Thị Hiền<br>Đỗ Thị Làn<br>Phạm Thị Kim Phúc               |
| Nghiên cứu sự ảnh hưởng của phương pháp lấy mẫu đến chất lượng của phương pháp Polynomial Chaos áp dụng cho hệ thống treo trên ô tô | 51 | Đào Đức Thụ<br>Lương Quý Hiệp<br>Phạm Văn Trọng                  |
| Nghiên cứu ảnh hưởng của chi số chỉ và mật độ mũi may đến độ giãn đứt, độ bền đường may 406 trên vải TC                             | 56 | Bùi Thị Loan<br>Nguyễn Thị Hồi<br>Đỗ Thị Tần                     |

**NGÀNH TOÁN HỌC**

Sự không tồn tại nghiệm của phương trình elliptic nửa tuyến tính suy biến 87 Nguyễn Thị Diệp Huyền

**NGÀNH KINH TẾ**

Bảo hiểm thất nghiệp trong phát triển kinh tế ở Việt Nam 66 Nguyễn Minh Tuấn

Ứng dụng ma trận SWOT trong phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương 75 Vũ Thị Hương

Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam 83 Phạm Thị Hồng Hoa

**NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC**

Nghiên cứu thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên Trường Đại học Sao Đỏ 91 Đặng Thị Minh Phương  
Trần Hoàng Yến  
Tăng Thị Hồng Minh

**LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

Nghiên cứu tính chất cấu trúc của các cluster  $[Mo_6X_{14}]^-$  (X = F, Cl, Br, I) bằng phương pháp phiếm hàm mật độ 99 Phạm Thị Diệp

Sử dụng *Saccharomyces cerevisiae* RV002 để lên men rượu vang từ quả sim (*Rhodomyrtus tomentosa*) 107 Bùi Văn Tú  
Nguyễn Ngọc Tú

**LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC**

Xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay 115 Vũ Văn Đông

Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay 123 Phùng Thị Lý

**TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION**

- |   |    |  |
|---|----|--|
| The daily highest and lowest river water levels are forecasted using a hybrid model   | 5  | Do Van Dinh<br>Nguyen Trong Quynh<br>Vu Van Canh<br>Pham Van Nam |
| Designing fuzzy controller for scalar control system of a three-phase squirrel cage induction motor with variable J môment of inertia | 13 | Le Ngoc Hoa<br>Vu Hong Phong                                     |
| Performance assesment in interference supression of GPS receiver based on particle filter   | 20 | Pham Viet Hung<br>Le Thi Mai<br>Nguyen Trong Cac                 |
| Select power supply scheme and output power control rule for the Switched Reluctance Machine  | 25 | Pham Cong Tao  |

**TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING**

- |  |    |  |
|--|----|--|
| Optimiation on the CNC cutting parameters and surface roughness of the mould during milling process composite material of plastic base and grain cores | 32 | Ngo Huu Manh<br>Mac Thi Nguyen<br>Le Hoang Anh<br>Chau Vinh Tien |
| Analysis of structure and potential of application hydrostatic transmission system on forestry machine   | 39 | Vu Hoa Ky<br>Tran Hai Dang<br>Nguyen Long Lam                    |
| Research on effects height and differential feed of the tooth bar on seam deformation 516 on stretch denim fabric                                      | 44 | Nguyen Thi Hien<br>Do Thi Lan<br>Pham Thi Kim Phuc               |
| Study on the effects of the Sampling method on quality of Polynomial Chaos method applying to automotive suspension system                             | 51 | Dao Duc Thu<br>Luong Quy Hiep<br>Pham Van Trong                  |
| Study on the effects of sewing thread count, density of stitch on the breaking elongation and seam strength 406 on TC fabric                           | 56 | Bui Thi Loan<br>Nguyen Thi Hoi<br>Do Thi Tan                     |

### TITLE FOR MATHEMATICS

Non-existence of solution of degenerative semilinear elliptic equations 62 Nguyen Thi Diep Huyen

### TITLE FOR ECONOMICS

Unemployment insurance for economic development in Vietnam 66 Nguyen Minh Tuan

Application of SWOT masterbon in traditional villa tourism in Hai Duong province 75 Vu Thi Huong

Poverty reduction and sustainable development in Vietnam 83 Pham Thi Hong Hoa

### TITLE FOR STUDY OF LANGUAGE

A study on the current situation of English speaking skills and some proposals to improve English speaking skills of non-English major students at Sao Do University 91 Dang Thi Minh Phuong  
Tran Hoang Yen  
Tang Thi Hong Minh

### TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY

Study of structural properties of clusters  $[Mo_6X_{14}]$  (X = F, Cl, Br) by the density functional method 99 Pham Thi Diep

Application of *Saccharomyces cerevisiae* RV002 in wine fermentation from Sim fruit (*Rhodomyrtus tomentosa*) 107 Bui Van Tu  
Nguyen Ngoc Tu

### TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

Hunger eradication and poverty reduction in Hai Duong in the period of accelerating industrialization and modernization nowadays 115 Vu Van Dong

The role of education and training with the development of high-quality human resources in Vietnam today 123 Phung Thi Ly

# Xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay

## Hunger eradication and poverty reduction in Hai Duong in the period of accelerating industrialization and modernization nowadays

Vũ Văn Đông

Email: [duydongvu82@gmail.com](mailto:duydongvu82@gmail.com)

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 03/10/2020

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 13/3/2021

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2021

### Tóm tắt

Mặc dù những năm vừa qua, Hải Dương đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận về kinh tế - xã hội, song trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, Hải Dương còn một số tồn tại nhất định như: trình độ phát triển khoa học - công nghệ còn thấp; tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo còn lớn; tỷ lệ đói, nghèo còn ở mức cao so với một số tỉnh trong vùng. Do đó, để đưa Hải Dương sớm trở thành một tỉnh công nghiệp phát triển hiện đại, trong thời gian tới, tỉnh cần có sự đánh giá khách quan công tác xóa đói, giảm nghèo, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của chúng, từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục. Chính vì thế, trong bài này, tác giả làm rõ thêm về cơ lý luận vai trò và sự cần thiết của công tác xóa đói, giảm nghèo trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH chỉ ra những tiêu chí xác định đói, nghèo và làm rõ những thành tựu, những vấn đề còn tồn tại trong công tác xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo của tỉnh trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hải Dương; xóa đói; giảm nghèo; xoá đói và giảm nghèo ở Hải Dương.

### Abstract

Although over the past years, Hai Duong has achieved many remarkable socio-economic achievements, but in the process of industrialization and modernization, Hai Duong still has certain shortcomings such as: Certain existences such as: The level of science and technology development is still low; the rate of untrained labor is still large; The rate of poverty and hunger is still high compared to some provinces in the region. Therefore, in order to make Hai Duong soon become a modern industrially developed province, in the coming time, the province needs to have an objective assessment of hunger eradication and poverty reduction, pointing out the limitations and causes of them, from which we offer solutions to overcome. Therefore, in this article, the author will try to clarify the theoretical basis of the role and necessity of poverty reduction, point out the criteria for determining poverty, and clarifying the achievements, the remaining problems in the work of hunger eradication and poverty reduction in Hai Duong. On that basis, proposing a number of solutions to improve the effectiveness of the province's hunger eradication and poverty reduction in the coming time.

**Keywords:** Hai Duong; hunger eradication; poverty reduction; hunger eradication and poverty reduction in Hai Duong.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đói, nghèo là một vấn đề xã hội được quan tâm ở Việt Nam nói chung và Hải Dương nói riêng. Cả nước hiện nay có tới gần 5% số hộ đang sống trong tình trạng đói nghèo, trong khi tỉ lệ này ở Hải Dương là 2,3% [3]. Điều này cho thấy, tuy tỉ lệ đói, nghèo của Hải Dương thấp hơn so với mức trung bình cả nước, song để đạt được mục tiêu là tỉnh công nghiệp hiện đại thì tỉ lệ này vẫn cao so với tiêu chí một tỉnh hay một quốc gia công nghiệp hiện đại.

Người phản biện: 1. PGS.TS. Lưu Ngọc Trinh  
2. TS. Phạm Thị Hồng Hoa

Đói, nghèo không chỉ làm cho con người không được hưởng những thành tựu văn minh của loài người, mà nó còn kéo lùi sự phát triển của văn minh nhân loại. Vì vậy, nếu không giải quyết được đói nghèo, thì mục tiêu tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống, hoà bình ổn định, bảo đảm các quyền con người sẽ không được thực hiện. Cũng như các địa phương khác trong cả nước, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hải Dương luôn đặt con người ở vị trí trung tâm của sự phát triển, coi xóa đói, giảm nghèo là một trong những mục tiêu cơ bản của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, từ năm 2010 đến năm 2019, tỷ lệ đói, nghèo của Hải Dương đã giảm đáng kể từ 10,8% (năm 2010) xuống

còn 2,3% (năm 2019). Bên cạnh những thành tựu đạt được, một bộ phận dân cư vùng núi, vùng sâu, vùng xa,... của tỉnh vẫn còn trong tình trạng đói nghèo. Điều này cho thấy, hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo chưa thật sự cao và vững chắc. Vì vậy, việc nghiên cứu đưa ra những giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện hiệu quả chính sách xóa đói, giảm nghèo trong bối cảnh toàn tỉnh đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay là rất cần thiết.

## 2. KHÁI NIỆM VÀ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH ĐÓI, NGHÈO

### 2.1. Khái niệm

Đã có nhiều tác giả, các tổ chức nghiên cứu và đưa ra khái niệm về xóa đói, giảm nghèo. Ví dụ như:

- Hội nghị bàn về giảm nghèo đói trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức ở Bangkok (Thái Lan) tháng 9/1993 đã đưa ra khái niệm về nghèo đói như sau:

*“Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các địa phương”.*

Theo tác giả, có thể xem đây là một quan niệm, một định nghĩa chung nhất về nghèo đói, tuy nhiên, những tiêu chí về nghèo đói về mặt lượng chưa được xác định vì chưa tính đến yếu tố lịch sử, đến trình độ phát triển kinh tế, phong tục tập quán của mỗi địa phương. Khái niệm trên đã đề cập đến những nội dung của vấn đề nghèo đói, đó là tình trạng nghèo khổ cùng cực, là trạng thái con người ăn không đủ no, không có khả năng thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu để duy trì cuộc sống và luôn đứng trước khả năng bị đói. Trong thực tế, nhất là khi lâm vào tình trạng thiên tai, rủi ro, hoạn nạn thì trạng thái nghèo khổ sẽ trở thành đói. Nghèo đói có hai dạng:

*Nghèo tuyệt đối* là tình trạng một bộ phận dân cư thường trực không có khả năng thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu để duy trì cuộc sống. Trên thực tế một bộ phận lớn dân cư nghèo tuyệt đối rơi vào tình trạng đói và thiếu đói.

*Nghèo tương đối* là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng tại địa phương.

- Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội tổ chức năm 1995, Liên hợp quốc đã đưa ra khái niệm nghèo đói: *“Người nghèo là tất cả những ai có thu nhập dưới một đô la mỗi ngày cho mỗi người, số tiền được coi như đủ để mua những sản phẩm cần thiết để tồn tại.”* Đồng thời, Liên hiệp quốc cũng đưa ra chỉ tiêu để đánh giá mức sống của con người bao gồm thu nhập bình quân tính theo đầu người, thành tựu y tế - xã hội và trình độ văn hóa giáo dục, tổng hợp lại là chỉ số phát triển con người (gọi tắt là HDI - Human Development Index).

- Theo Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo: *Xóa đói giảm nghèo là làm cho bộ phận dân cư nghèo nâng cao mức sống, từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo. Biểu hiện ở tỷ lệ phần trăm và số lượng người nghèo giảm xuống. Nói một cách khác, xóa đói*

giảm nghèo là một quá trình chuyển một bộ phận dân cư nghèo lên một mức sống cao hơn [2].

Hoặc: *Xóa đói giảm nghèo là chuyển từ tình trạng có ít điều kiện lựa chọn sang tình trạng có đầy đủ điều kiện lựa chọn để cải thiện đời sống mọi mặt của mỗi người [2].*

Từ các khái niệm trên, tác giả cho rằng: *Xóa đói, giảm nghèo là làm cho bộ phận dân cư trong diện đói, nghèo từng bước nâng cao được mức sống, thoát khỏi tình trạng đói, nghèo có mức thu nhập từ trung bình trở lên. Có đủ điều kiện để cải thiện cuộc sống.*

### 2.2. Tiêu chí xác định đói, nghèo

- *Tiêu chí của UNDP* được tính dựa trên cơ sở phân phối thu nhập theo đầu người hay theo nhóm dân cư. Thước đo này tính phân phối thu nhập bình quân của từng cá nhân hoặc hộ gia đình nhận được trong thời gian nhất định, mà không quan tâm đến nguồn mang lại thu nhập hay môi trường sống và thành phần dân cư. Tiêu chí này được tính như sau: Chia dân số của một nước, một châu lục hoặc toàn cầu ra làm 5 nhóm, mỗi nhóm chiếm 20% dân số bao gồm: Rất giàu, giàu, trung bình, nghèo và rất nghèo. Theo cách tính này, vào những năm 1990 thì 20% dân số giàu nhất chiếm 82,7% thu nhập toàn thế giới, trong khi 20% nghèo nhất chỉ chiếm 1,4%. Như vậy, nhóm giàu nhất gấp 59 lần nhóm nghèo nhất [7, tr.11].

- *Theo tiêu chí trong Atlas*, năm 1990, thu nhập bình quân đầu người/năm của tất cả các nước trên toàn thế giới được phân làm 6 loại: trên 25.000 USD/người/năm là nước cực giàu; từ 20.000 đến dưới 25.000 USD/người/năm là nước giàu; Từ 10.000 đến dưới 20.000 USD/người/năm là khá giàu; từ 2.500 đến dưới 10.000 USD/người/năm là nước trung bình; từ 500 đến 2.500 USD/người/năm là nước nghèo và dưới 500USD/người/năm là nước cực nghèo.

- *Tiêu chí xác định chuẩn nghèo đói theo tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam* căn cứ vào Quyết định số 59 ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. (Đây cũng làm tiêu chí mà tác giả dựa vào để phân tích tình trạng đói, nghèo trong bài viết này).

Bảng 1. Quy định về chuẩn nghèo đói quốc gia

Khu vực	Phân loại nghèo đói	Mức thu nhập BQ/người/tháng
Thành thị	Nghèo	900.000đ trở xuống
		900.000đ đến 1.300.000đ và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.
	Cận nghèo	Trên 900.000đ 900.000đ đến 1.300.000đ và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.
	Mức sống trung bình	1.300.000đ đến 1.950.000đ.



Khu vực	Phân loại nghèo đói	Mức thu nhập BQ/người/tháng
Nông thôn	Nghèo	700.000đ trở xuống
		700.000đ đến 1.000.000đ và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.
	Cận nghèo	Trên 700.000đ
700.000đ đến 1.000.000đ và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.		
	Mức sống trung bình	1.000.000đ đến 1.500.000đ.

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ, Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg.

### 3. NỘI DUNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

#### 3.1. Nội dung công tác xóa đói, giảm nghèo

*Thứ nhất*, tăng thu nhập cho người nghèo, vùng nghèo. Đây là nội dung cần được quan tâm nhất trong công tác xóa đói giảm nghèo. Phần lớn người nghèo phụ thuộc chủ yếu vào thu nhập từ sức lao động, công việc trên mảnh đất của họ, tiền lương hay những hoạt động lao động khác, nên tình trạng thiếu việc làm và năng suất lao động thấp khiến cho thu nhập của người nghèo phổ biến là thấp. Vì vậy, để tăng thu nhập cho người nghèo cần phải có giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất,... để tạo điều kiện tăng năng suất lao động và tạo việc làm cho người nghèo.

*Thứ hai*, tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển cho người nghèo. Phần lớn người nghèo tập trung ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Những nơi này thường xa các trung tâm kinh tế và dịch vụ xã hội, hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển, giao thông vận tải khó khăn,... Do đó, năng suất lao động thấp, do vận chuyển khó khăn, không nơi tiêu thụ khiến cho giá cả sản phẩm sụt giảm. Điều này đòi hỏi Nhà nước cần đầu tư để người nghèo có thể tiếp cận được với hệ thống cơ sở hạ tầng tốt hơn và đó chính là một nội dung quan trọng trong công tác xóa đói, giảm nghèo. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có chính sách nâng cao trình độ dân trí, nâng cao sự hiểu biết cho người nghèo là giải pháp có tính chiến lược lâu dài. Đồng thời, Nhà nước cần phát triển các dịch vụ y tế, tài chính, tín dụng và tiến bộ của khoa học, kỹ thuật, công nghệ,... để họ có điều kiện chăm sóc sức khỏe tốt hơn, hạn chế được bệnh tật, từ đó có điều kiện tái sản xuất sức lao động, và đó là yếu tố quan trọng để tăng trưởng và phát triển.

Người nghèo là những người có thu nhập thấp, nên thường thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, thiếu thông tin thị trường và thiếu kiến thức về khoa học công nghệ. Do vậy, hoạt động xóa đói, giảm nghèo phải hỗ trợ

cho người nghèo được tiếp cận tốt hơn với những yếu tố trên.

*Thứ ba*, xóa đói giảm nghèo trước hết phải ưu tiên các đối tượng chính sách, vùng dân tộc ít người, vùng đặc biệt khó khăn. Những năm qua kinh tế Việt Nam nói chung và Hải Dương nói riêng đã có bước phát triển mạnh mẽ, đời sống của người dân dần được cải thiện. Tuy nhiên, mức sống của người dân về cơ bản vẫn còn thấp, phân hóa thu nhập có xu hướng tăng lên, một bộ phận người dân vẫn ở mức nghèo đói. Trong đó, chủ yếu là các đối tượng chính sách, vùng dân tộc ít người và các vùng đặc biệt khó khăn. Do đó, những giải pháp xóa đói, giảm nghèo tập trung cho đối tượng này vừa là yêu cầu cấp thiết đối với mục tiêu phát triển bền vững, vừa mang tính nhân văn sâu sắc.

*Thứ tư*, xóa đói giảm nghèo phải mang tính bền vững. Trong thực tiễn công tác xóa đói, giảm nghèo có nhiều hộ gia đình sau khi thoát nghèo một thời gian do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Gặp rủi ro thiên tai, ốm đau, do tác động của phân hóa giàu - nghèo của quá trình phát triển,... lại trở thành những hộ nghèo (tái nghèo). Đó đó, công tác xóa đói giảm nghèo không chỉ hỗ trợ để người nghèo sinh tồn và vượt qua ngưỡng nghèo mà phải có giải pháp tích cực để bản thân người nghèo chủ động tự vươn lên thoát nghèo vững chắc tiến tới trở thành hộ khá, hộ giàu.

#### 3.2. Vai trò của công tác xóa đói, giảm nghèo

*Thứ nhất*, xóa đói giảm nghèo góp phần phát triển con người, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Các nhà khoa học đã chứng minh đói nghèo là một hiện tượng lịch sử xã hội xuất hiện và tồn tại trong cuộc sống của cộng đồng. Đây là một trở ngại, một lực cản lớn, một thách thức đối với sự phát triển xã hội. Do đó, công tác xóa đói giảm nghèo là một vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc cần được giải quyết để thúc đẩy sự phát triển nói chung. Đồng thời, công tác xóa đói giảm nghèo không được giải quyết thì không thể đạt được mục tiêu về tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống người dân, ổn định xã hội, bảo đảm quyền con người,...

Công tác xóa đói giảm nghèo có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội. Bởi tình trạng nghèo đói sẽ tạo ra khoảng cách giàu nghèo trong xã hội, làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu vấn đề xóa đói giảm nghèo không được giải quyết thì sẽ không thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước cũng như công bằng xã hội.

Xóa đói giảm nghèo tạo cơ sở, tiền đề cho sự phát triển xã hội, bởi xóa đói giảm nghèo là một trong những chính sách xã hội hướng vào phát triển con người, nhất là nhóm người nghèo, tạo cơ hội cho họ nâng cao thu nhập và tăng đầu tư cho giáo dục, y tế,... từ đó góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

*Thứ hai*, xóa đói giảm nghèo góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội và là cơ sở để bảo vệ môi trường sinh thái.

Đói nghèo là một nguy cơ, là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên tội phạm, các tệ nạn xã hội, bạo lực, mất an toàn xã hội. Điều này không chỉ kéo theo hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước chậm lại, mà còn là nguyên nhân quan trọng của xung đột, mất ổn định chính trị. Vì vậy, xóa đói giảm nghèo hiệu quả sẽ góp phần quan trọng đảm bảo ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đói nghèo dẫn đến quá trình khai thác lãng phí tài nguyên, tàn phá môi trường sinh thái. Bởi vậy công tác xóa đói giảm nghèo còn góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong bảo vệ môi trường sinh thái giữ gìn sự đa dạng sinh học, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên.

*Thứ ba*, xóa đói giảm nghèo góp phần thúc đẩy khu vực khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, gia đình chính sách phát triển. Công tác xóa đói giảm nghèo góp phần giúp người nghèo nói chung và đồng bào các dân tộc thiểu số có điều kiện sống khó khăn nâng cao được năng lực cá nhân để họ có điều kiện lựa chọn việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống. Mặt khác, xóa đói giảm nghèo tạo điều kiện và cơ hội cho sự phát triển đồng đều giữa các vùng, giảm khoảng cách và sự chênh lệch quá mức về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa miền núi và miền xuôi, giữa đồng bào các dân tộc thiểu số với đồng bào Kinh.

*Thứ tư*, xóa đói giảm nghèo có vai trò quan trọng trong điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư hợp lý hơn, tiếp cận các dịch vụ xã hội tốt hơn. Xóa đói, giảm nghèo từng bước thực hiện sự phân phối công bằng cả trong khâu sản xuất lẫn khâu phân phối kết quả sản xuất cho mỗi cá nhân trong xã hội, nhất là nhóm người nghèo.

Xóa đói giảm nghèo tạo cơ hội cho người nghèo nhất là đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện tiếp cận tốt nhất tới các dịch vụ xã hội như: Giáo dục, chăm sóc sức khỏe và hưởng thụ các hoạt động văn hóa,...

Với vai trò như vậy, trong kế hoạch phát triển bền vững về thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, Việt Nam luôn cam kết dành ưu tiên hàng đầu cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Đây là hướng quan trọng để thu hút sự đóng góp nhiều mặt của cộng đồng quốc tế về kinh nghiệm, kỹ thuật và nguồn lực, góp phần đưa nền kinh tế nước ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

#### 4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở HẢI DƯƠNG HIỆN NAY

##### 4.1. Những kết quả đạt được của công tác xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương từ năm 2015 đến năm 2019

*Thứ nhất*, thu nhập trung bình của người dân. Hải Dương là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng với 12 đơn vị hành chính, có diện tích 1.662 km<sup>2</sup> và dân số là

1.892.254 người. Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt mức trung bình của cả nước (3.020 USD) [4]. Mức độ nghèo của Hải Dương được thể hiện thông qua một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2019 như sau:

Bảng 2. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương

Chỉ tiêu (Đơn vị tính)			
Giá trị GDP (Tỷ đồng)			
Tổng	134.700,0		
Nông lâm nghiệp	11.853,6		
Công nghiệp xây dựng	80.415,9		
Dịch vụ	42.430,5		
Cơ cấu GDP (%)			
	Nông thôn	Thành thị	Cả tỉnh
100	8,8	59,7	31,5
GDP bình quân đầu người (Triệu đồng)			
	52.800	88.536	70.668
Tỷ lệ đói nghèo (theo tiêu chí mới) %			
	3,30	1,02	2,32

Nguồn: Cục Thống kê Hải Dương, 2019

Trong giai đoạn 2015-2019, kinh tế Hải Dương có mức tăng trưởng khá, tổng GDP của tỉnh năm 2019 đạt 134.700,0 tỷ đồng (giá cố định 2019), tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2015-2019 đạt 8,6%. Kinh tế tăng trưởng cao, thu nhập bình quân đầu người tăng qua các năm, song tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh vẫn chiếm tỷ lệ 2,32%, khoảng cách giàu-nghèo ngày càng tăng. Kết quả điều tra cho thấy, mức chênh lệch thu nhập khi so sánh nhóm hộ có thu nhập cao nhất với nhóm hộ có thu nhập thấp nhất tăng từ 6,2 lần (năm 2000) lên 9,3 lần (năm 2019), một số chỉ tiêu về cải thiện đời sống đạt được còn thấp so với mục tiêu đề ra, đặc biệt là các chỉ tiêu về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: Trợ giúp pháp lý, chăm sóc sức khỏe, học hành,...[3].

Năm 2019, ở Hải Dương, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng vẫn tương đối cao (12,4%), số hộ có hệ thống nước thải sinh hoạt chung đạt 75,67%, số xã có hệ nước thải sinh hoạt đạt 74,45%, tỷ lệ này cao hơn trung bình của cả nước, những thấp hơn một số tỉnh trong vùng [3].

*Thứ hai*, so với trung bình toàn khu vực Đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ hộ đói nghèo của Hải Dương tuy thấp hơn 0,1 điểm phần trăm (2,32% so với 2,42%), song tỷ lệ này còn khá cao so với một số địa phương như: Hà Nội (1,3%), Hải Phòng (2,1%),... Mức độ đói nghèo cao ở Hải Dương phần lớn thuộc các xã vùng núi huyện Kinh Môn, thành phố Chí Linh, các xã, thôn ở vùng nông thôn các huyện. Việc xác định hộ nghèo thông qua bình xét

ở thôn xóm cũng làm cho tỷ lệ hộ đói nghèo biến động. Như vậy, chỉ cần có những điều chỉnh như về chuẩn nghèo hay do cách bình xét cũng làm cho không ít hộ rơi xuống ngưỡng nghèo và làm tăng tỷ lệ nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng núi, nông thôn luôn cao gấp 1,5 lần tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực thành thị, chứng tỏ tình trạng nghèo ở vùng núi và nông thôn đòi hỏi cần phải giải quyết gấp để đưa Hải Dương phát triển trong thời gian tới.

Tình trạng cơ sở vật chất ở các xã nghèo nhìn chung còn thiếu. Đa phần các xã nghèo chưa hoàn thiện các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, không đủ phòng học kiên cố cho học sinh. Chương trình 135 tập trung đầu tư chủ yếu ở khu vực trung tâm các xã, khiến người nghèo ở các thôn xa rất khó tiếp cận.

*Thứ ba*, theo số liệu điều tra khảo sát hàng năm của Cục thống kê tỉnh, tình trạng đói nghèo của Hải Dương tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

- Tỷ lệ hộ đói nghèo ở nhà chưa kiên cố và thiếu tiền chữa bệnh cũng còn ở mức cao, do hộ đói nghèo không có tích lũy để sửa chữa, làm mới nhà ở hoặc chi cho khám chữa bệnh. Do đó, đa phần các hộ nghèo chưa được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người theo trình độ phát triển kinh tế của địa phương.

- Tình trạng con em các hộ đói nghèo chỉ đủ điều kiện để theo học hết bậc tiểu học, học lên lớp trên tuy được cải thiện, đặc biệt là các bé gái thường bỏ học sớm để tham gia lao động cùng gia đình, bỏ học do thiếu tiền có xu hướng giảm nguyên nhân do mấy năm gần đây, nhà nước và địa phương có chính sách miễn giảm học phí cho các cháu học sinh diện nghèo,...

- Tình trạng đói, nghèo khác như: Thiếu đồ dùng sinh hoạt, thu nhập thấp không đáp ứng được các nhu cầu chi tiêu cơ bản của cuộc sống gắn liền với sự phát triển của kinh tế - xã hội nói chung còn hạn chế, mặc dù bước đầu mức sống của nhiều gia đình được cải thiện nhờ hiệu quả của chương trình xóa đói, giảm nghèo của tỉnh; Nhu cầu về lương thực thực phẩm đã được đáp ứng về cơ bản, song nhu cầu về các điều kiện sinh hoạt vẫn khó khăn, dù đã được cải thiện một phần.

- Cơ sở vật chất về hạ tầng kinh tế và xã hội ở vùng núi, vùng nông thôn khó khăn hơn nhiều so với thành thị. Hạ tầng giao thông, thủy lợi chưa được đầu tư phù hợp, vẫn còn 13 xã/9 huyện cần đầu tư hạ tầng giao thông, trạm y tế, trường học, hệ thống thủy lợi tưới tiêu, trụ sở làm việc, nhà văn hóa,... Phần lớn trong 13 xã có tỷ lệ nghèo trên 3,2% đều tập trung ở các vùng núi, nông thôn [3].

- Sản xuất nông lâm nghiệp thường là nguồn thu nhập chính của các xã nghèo. Tuy vậy, đáng tiếc là, sản xuất nông nghiệp lại thường phụ thuộc vào thời tiết, và các địa phương này lại không có điều kiện áp dụng kỹ thuật canh tác, giống mới, mà vẫn sản xuất theo phương thức

truyền thống, không phân bón, sử dụng nước trời là chủ yếu, cho nên năng suất, sản lượng thường không cao, khiến thu nhập của các cá nhân thấp.

- Các xã nghèo, nhất là nhóm nghèo gắn với sản xuất nông nghiệp, thường chậm thích ứng với những thay đổi của kinh tế thị trường; cụ thể, một số nông sản, lâm sản và cây công nghiệp của họ thường bị ảnh hưởng bởi những biến động của thị trường về giá cả, nhu cầu, thị hiếu,... điều này đã tạo khó khăn cho bà con nông dân nói chung và các nông hộ nghèo nói riêng.

- Người nghèo, đói có thu nhập thấp (dưới 700.000đ/ người/tháng) gặp không ít khó khăn trong sản xuất và đời sống. Họ luôn thiếu vốn sản xuất, khó khăn tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội. Đa số họ không nắm bắt được các chính sách hoặc không hiểu về các chủ trương hỗ trợ người nghèo của Đảng và Nhà nước, nên họ không tận dụng được những điều kiện vay vốn qua các tổ tiết kiệm vay vốn của các tổ chức đoàn thể và địa phương.

*Thứ tư*, chi tiêu cuộc sống, khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế, giáo dục, công nghệ của người nghèo còn nhiều bất cập. Năm 2019, chi bình quân một người một tháng là 685,9 nghìn đồng, thấp hơn mức chuẩn nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng giai đoạn 2016-2020. Trong khi đó, các dịch vụ y tế, giáo dục của người nghèo còn hạn chế khi không có đủ điều kiện để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình, đặc biệt khi mắc bệnh hiểm nghèo chỉ được bảo hiểm y tế thanh y tế một phần. Về giáo dục, trẻ em của đa số hộ nghèo chỉ hết tiểu học hoặc trung học cơ sở, do điều kiện cho các cháu đi học của các gia đình rất khó khăn [3].

#### 4.2. Hạn chế trong công tác xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương giai đoạn 2015-2019

- Tỷ lệ hộ nghèo của Hải Dương ở mức thấp hơn so với bình quân chung của các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng là 2,42% (cuối năm 2019) xong lại cao hơn một số địa phương như: Hà Nội (1,3%), Hải Phòng (2,1%),... So với tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo của các xã vùng núi, vùng nông thôn cao gấp 1,62 lần so với thành thị; tốc độ giảm nghèo diễn ra không đồng đều giữa thành thị và nông thôn. Cho đến nay, trong khi các khu vực thành thị đã không còn xã nghèo, thì vẫn còn 13 xã/9 huyện ở các vùng nông thôn có tỷ lệ hộ đói nghèo trên 3,4%. Đa số các hộ nghèo đều tập trung ở vùng có điều kiện khó khăn [3].

- Những thành tựu đạt được về xóa đói giảm nghèo chưa thật vững chắc và thiếu tính bền vững, do tình trạng tái nghèo vẫn còn diễn ra. Cụ thể, giai đoạn 2015-2019, tỷ lệ tái nghèo của tỉnh vẫn chiếm gần 4,7% tổng số hộ thoát nghèo [3]. Nguyên nhân, do công tác chỉ đạo công tác xóa đói giảm nghèo của nhiều huyện còn chưa quyết liệt, thiếu trọng tâm, trọng điểm, ý lại trong chờ vào nhà nước và cộng đồng.

- Các nguồn lực về tài chính cho xóa đói giảm nghèo đã được tăng cường. Từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 116.497 lượt hộ nghèo với tổng số tiền điện là 71,3 tỷ đồng, cho 116.642 lượt học sinh được hỗ trợ học phí là 143,2 tỷ đồng, xây 1.014 ngôi nhà cho hộ nghèo và cận nghèo với số tiền 43,3 tỷ đồng,...[3]. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng được so với nhu cầu thực tiễn, việc tổ chức lồng ghép các dự án, chính sách để xóa đói giảm nghèo chưa tốt. Đầu tư quản lý, sử dụng vốn của ngân sách chưa minh bạch, còn dễ thất thoát; người nghèo chưa thực sự được bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ, như chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo và tín dụng ưu đãi hộ nghèo.

- Hoạt động của Ban xóa đói giảm nghèo các cấp chưa đều, sự phối hợp giữa các ngành thành viên chưa chặt chẽ còn mang nặng tính hình thức.

- Khoảng cách giàu nghèo gia tăng: Do lịch sử để lại, cùng với mặt trái của nền kinh tế thị trường làm cho khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa nông thôn với thành thị gia tăng, làm tăng thêm tính bức xúc của công tác xóa đói giảm nghèo. Năm 2019, khoảng cách này là 9,3 lần, cao hơn gấp rưỡi so với năm 2000, chỉ là 6,2 lần [3].

#### 4.3. Những vấn đề đặt ra khi thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Trong giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, công tác xóa đói, giảm nghèo của tỉnh Hải Dương đặt ra một số vấn đề cần giải quyết như sau:

- Điều kiện tự nhiên có những diễn biến phức tạp, mưa lũ thất thường, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt. Đất đai sản xuất nông nghiệp thuần túy, đất xấu do bạc màu, điều kiện canh tác khó khăn, năng suất, sản lượng thấp không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp của các nông hộ nghèo.

- Xuất phát điểm về phát triển kinh tế - xã hội của các huyện nghèo, xã nghèo thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Có tới 90-95% thu nhập của các huyện dựa vào kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, thu nhập thực tế của người nghèo ở mức thấp (chỉ đạt 700 - 800 nghìn đồng/người/năm), trình độ học vấn thấp, nhiều người chưa qua đào tạo nghề. Lao động dựa vào tự nhiên và lao động thủ công là chính. Kết cấu hạ tầng thấp kém, hạ tầng cơ sở phục vụ y tế, giáo dục, văn hóa thông tin chưa phát triển.

- Đầu tư của địa phương cho nông nghiệp, nông thôn, chưa hợp lý, còn ở mức thấp. Từ năm 1998 đến nay, Chính phủ đã dành một số chương trình đầu tư: Chương trình 135, nước sạch vệ sinh môi trường, kiên cố h trường lớp học,... nhưng cơ chế hỗ trợ đầu tư còn nhiều bất cập: Đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu tập trung, chưa đủ độ và thiếu sự lồng ghép giữa các chương trình dự án. Quy trình, thủ tục đầu tư còn rườm rà, thiếu chỉ đạo dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp, kém.

- Một số chính sách, cơ chế trợ giúp kéo dài, chậm đổi mới như chính sách trợ giá, hỗ trợ nước sạch, chính sách hỗ trợ nhà ở,... chậm đổi mới tạo nên tâm lý ỷ lại, trông chờ của người dân. Bên cạnh đó, mặc dù việc phân loại người nghèo thì đúng, nhưng cơ chế thực hiện chưa phù hợp dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao.

- Tỷ lệ hộ đói nghèo ở Hải Dương thiếu vốn sản xuất năm 2019 chiếm tỷ lệ cao (34,35%), mặc dù đã giảm nhiều so với năm 2015 (45,7%) [3]. Kết quả đó là do trong những năm qua tỉnh đã tập trung huy động các nguồn vốn và thực hiện tương đối tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo.

- Hộ đói nghèo thiếu kinh nghiệm làm ăn của tỉnh chiếm 26,46%, do các hộ này có trình độ học vấn thấp, sản xuất vẫn theo phương thức truyền thống dựa vào điều kiện tự nhiên để tổ chức sản xuất.

- Nhận thức của các cấp chính quyền, người dân về chính sách xóa đói, giảm nghèo còn chậm được đổi mới, hộ nghèo còn tâm lý cam chịu với sự đói nghèo, nhiều người chưa có ý thức vươn lên trong làm ăn để thoát khỏi đói nghèo, không có kế hoạch chi tiêu phù hợp, một số người còn lười biếng có tư tưởng ỷ lại, chỉ trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhà nước.

Ngoài ra, còn có các hạn chế khác như: Thiếu đất sản xuất (11,82%) đồng người ăn theo, có người đau ốm dài ngày (9,95%). Người mắc tệ nạn xã hội, gặp rủi ro,... còn ở mức cao.

#### 5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2020-2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Để thực hiện hiệu quả chính sách xóa đói giảm nghèo trong thời gian tới, tỉnh Hải Dương cần tập trung làm tốt các giải pháp cơ bản sau:

Một là, các cơ quan quản lý nhà nước các cấp từ tỉnh, huyện, tới xã, phường, thị trấn cần tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân trong công tác xóa đói giảm nghèo.

Cần nâng cao nhận thức và quyết tâm thoát nghèo của chính người nghèo ở các khu vực đói, nghèo thuộc các xã nghèo, hộ nghèo. Ngoài việc tuyên truyền các chủ trương chính sách xóa đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đến người nghèo mà các địa phương cần tuyên truyền cho người nghèo về các mô hình thoát nghèo thành công nhằm nâng cao nhận thức của chính người nghèo trong việc tổ chức thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Các cơ quan quản lý nhà nước ở các địa phương cần thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy năng lực sáng tạo của cộng đồng dân cư trong công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ sẽ phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo của nhân dân được phát huy. Điều này thực sự là

nguồn động viên sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn của người dân trong công tác xóa đói giảm nghèo.

Các địa phương cần thực hiện hiệu quả việc gắn kết mục tiêu phát triển kinh tế với mục tiêu phát triển xã hội nhằm tăng cường năng lực, cải thiện điều kiện và mức sống của người dân góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo, trong đó tập trung ở 13 xã nghèo thuộc các huyện Kim Thành, Thanh Hà, Gia Lộc, Ninh Giang, Bình Giang, Cẩm Giàng, và Tứ Kỳ. Trong các chiến lược và kế hoạch phát triển, cần luôn đặt con người vào vị trí trung tâm, coi con người vừa là động lực và vừa là mục tiêu của sự phát triển hướng đến sự tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển văn h và bảo vệ môi trường.

*Hai là*, các địa phương cần thực hiện hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo một cách vững chắc hướng đến sự phát triển bền vững.

Các địa phương kết hợp với các tổ chức xã hội thực hiện tốt chính sách khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao kỹ thuật, phát triển ngành nghề phù hợp với các đối tượng thuộc các xã nghèo, thôn nghèo và hộ nghèo, giúp họ phát triển kinh tế ổn định và lâu dài, qua đó thoát nghèo một cách bền vững.

Các huyện Kim Thành, Thanh Hà, Gia Lộc, Ninh Giang, Bình Giang, Cẩm Giàng, Tứ Kỳ,... có các xã thôn có tỷ lệ hộ nghèo cao cần kêu gọi các nguồn lực để thực hiện công tác xã hội hóa xóa đói giảm nghèo theo định hướng sau:

- Các địa phương cần triển khai thu hút vốn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với mục tiêu phòng chống thiên tai, đầu tư bảo hiểm rủi ro giảm thiểu thiệt hại cho các nhóm yếu thế, những người có hoàn cảnh khó khăn, xóa bỏ tình trạng tái nghèo.

- Các địa phương cần thu hút đầu tư theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm nhằm trợ giúp các xã nghèo, người nghèo tiếp cận các dịch vụ thiết yếu, dịch vụ giáo dục và dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe.

- Chính quyền các cấp của tỉnh cần tổ chức tổng kết và nhân rộng các mô hình xã hội hóa xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả, tăng cường lồng ghép các chương trình dự án phát triển với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống nhân dân ở các xã nghèo.

- Hải Dương cần có quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp sạch ở các huyện có xã nghèo, bởi các xã này thường gắn với sản xuất nông nghiệp và có điều kiện sản xuất nông nghiệp là chính như khu sản xuất rau, củ, quả ở Tứ Kỳ, Gia Lộc, Kim Thành, khu trồng cây ăn quả ở Chí Linh, Thanh Hà,... phát triển trang trại chăn nuôi theo mô hình VAC ở Ninh Giang, Cẩm Giàng, Bình Giang,... Cần hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, trước mắt tập trung cho 13 xã thuộc 9 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao. Đảm bảo 100% các xã nghèo, các xã khó khăn phát triển được cơ sở hạ tầng thiết yếu.

*Ba là*, các địa phương, hộ nghèo cần sử dụng và khai thác một cách có hiệu quả các nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo.

Các nguồn lực của Hải Dương phục vụ cho công tác xóa đói, giảm nghèo là rất lớn như nguồn vốn hàng năm từ 4-5 trăm tỷ đồng, các nguồn lực về tài nguyên, nguồn nhân lực, khoa học kỹ thuật,... và *liên tục hoàn thiện các chính sách xóa đói giảm nghèo nhằm trợ giúp các xã nghèo, hộ nghèo phát triển kinh tế.* Vấn đề là, các địa phương, các hộ nghèo cần sử dụng và khai thác hiệu quả các nguồn lực. Cụ thể:

- Các địa phương cần đánh giá, nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực về tài nguyên, nguồn nhân lực, khoa học kỹ thuật, nguồn vốn và các chính sách phát triển, các mô hình phát triển gắn với các cây, con có giá trị kinh tế, gắn với thị trường ổn định để hỗ trợ các hộ nghèo tham gia sản xuất nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống tiến tới thoát nghèo một cách vững chắc.

- Các địa phương cần kêu gọi thêm các nguồn vốn tín dụng hỗ trợ các hộ nghèo thông qua phương thức cho vay ưu đãi nhằm trợ giúp họ phát triển sản xuất vượt lên thoát nghèo.

- Các địa phương cần thực hiện phương thức ưu đãi thay cho phương thức bao cấp đối với công tác xóa đói giảm nghèo nhằm hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo phát triển kinh tế gắn với thị trường tạo động lực trực tiếp đến các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ vươn lên thoát nghèo.

*Bốn là*, các địa phương và người dân cần thực hiện một cách quyết liệt, có hiệu quả các chính sách xã hội hướng đến mục tiêu giảm khoảng cách giàu nghèo:

Các cấp lãnh đạo của tỉnh cần gắn chỉ đạo với đôn đốc, kiểm tra các huyện, xã nghèo thực hiện tốt chính sách xã hội, tạo điều kiện để người nghèo được cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục, sử dụng nguồn nước sạch và các dịch vụ xã hội cơ bản. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng với giá cả phù hợp qua các hình thức khám chữa bệnh miễn phí, giảm phí và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho người nghèo như: Cấp giấy chứng nhận khám chữa bệnh miễn phí, khám chữa bệnh nhân đạo và từ thiện, từ đó rút ngắn khoảng cách phúc lợi giữa các tầng lớp dân cư.

Các địa phương cần sử dụng hiệu quả nguồn vốn để đầu tư phát triển hệ thống giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp, tăng cường đầu tư hệ thống nước sạch, hệ thống xử lý rác thải cho các thôn, xã nghèo. Huy động sự đóng góp của cộng đồng xây dựng quỹ vì người nghèo để hỗ trợ người nghèo vượt qua những khó khăn khi cần thiết.

Các địa phương cần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, trợ giúp các đối tượng là người nghèo, người bị rủi ro, nhất là phụ nữ và trẻ em nghèo, cụ thể là:

- Các địa phương cần thực hiện có hiệu quả chính sách cứu trợ đột xuất cho đối tượng là hộ nghèo, người nghèo khi gặp rủi ro (thiên tai, hoả hoạn, mất mùa) được ngân sách nhà nước trợ cấp có thời hạn hoặc một lần (cứu đói, trợ giúp chữa trị người bị thương, mai táng phí, dựng lại nhà bị sập đổ,...), thực hiện tốt chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai đặc biệt quan tâm đến đối tượng có nguy cơ tái nghèo. Xây dựng hệ thống các giải pháp cứu trợ xã hội đột xuất hiệu quả đối với người nghèo. Chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện cứu trợ kịp thời, nhanh chóng ứng phó và hạn chế thiệt hại về người và của khi thiên tai xảy ra, trợ giúp người nghèo khắc phục hậu quả thiên tai.

- Các huyện, xã có hộ nghèo tăng cường xã hội hóa mở rộng các quỹ phúc lợi qua mạng lưới bảo trợ xã hội và an sinh xã hội. Tiến hành cải cách cơ chế hình thành và điều phối quỹ cứu trợ đột xuất, trợ giúp nhân đạo thường xuyên đối với người nghèo, triển khai hoạt động quỹ này một cách công khai, minh bạch, có hiệu quả ngay từ cộng đồng thôn bản, xã,...

## KẾT LUẬN

Công tác xóa đói, giảm nghèo đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu, đưa ra các khái niệm khác nhau. Các nhà khoa học đều khẳng định xóa đói, giảm nghèo có vai trò rất quan trọng do đó luôn được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hải Dương rất quan tâm. Trong những năm vừa qua, công tác xóa đói, giảm nghèo của tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu khi tỷ lệ đói, nghèo năm 2019 đã giảm tới 8,5% so với năm 2010. Tuy có nhiều thành tựu, song công tác xóa đói, giảm nghèo cũng còn nhiều vấn đề đặt ra như tỷ lệ đói, nghèo của Hải Dương vẫn còn khá cao so với một số tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ này giảm chưa vững chắc, hiệu quả thực hiện còn chưa cao,... Do đó, để đưa Hải Dương trở thành một tỉnh công nghiệp theo tinh thần Đại hội XVII vừa qua, Hải Dương cần phải

giảm tỷ lệ đói, nghèo để đưa tỉnh trở thành một tỉnh có trình độ phát triển cao. Để thực hiện được mục tiêu đó, đòi hỏi tỉnh phải thực hiện đồng bộ các giải pháp: Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp từ tỉnh, huyện, tới các cấp xã, phường, thị trấn cần tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân trong công tác xóa đói giảm nghèo; các địa phương cần thực hiện hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo một cách vững chắc hướng đến sự phát triển bền vững; các địa phương, hộ nghèo cần sử dụng và khai thác một cách có hiệu quả các nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo và các địa phương và người dân cần thực hiện một cách quyết liệt, có hiệu quả các chính sách xã hội hướng đến mục tiêu giảm khoảng cách giàu nghèo hướng đến một cộng đồng xã hội hạnh phúc theo tiêu chí đã được Chính phủ ban hành được quốc tế công nhận.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vũ Đình Bách (1998), *Các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật Hà Nội.
- [2]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2001), *Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo giai đoạn (2001-2010)*.
- [3]. Cục Thống kê Hải Dương (2019), *Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu*.
- [4]. Tổng cục Thống kê (2019), *Kết quả điều tra lao động việc làm 2018*.
- [5]. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020* Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg.
- [6]. Trung tâm từ điển Việt Nam (1993), *Từ điển tiếng Việt phổ thông*, tập II, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. UNDP (1990), *Tăng trưởng kinh tế và vấn đề nghèo đói của thế giới*, Báo cáo thường niên năm 1990.

## THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ



### Vũ Văn Đông

- Tóm tắt quá trình đào tạo, nghiên cứu (thời điểm tốt nghiệp và chương trình đào tạo, nghiên cứu):
- + Năm 2006: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Sư phạm Giáo dục chính trị, Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội;
- + Năm 2011: Tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- + Năm 2020: Tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Kinh tế học, Chuyên ngành Kinh tế chính trị, Khoa Kinh tế học, Học viện Khoa học xã hội;
- Tóm tắt công việc hiện tại: Giảng viên khoa Giáo dục Chính trị và Thể chất, Trường Đại học Sao Đỏ;
- Lĩnh vực quan tâm: Kinh tế, Khoa học xã hội - nhân văn;
- Email: duydongvu82@gmail.com;
- Điện thoại: 0985 412 618.